

Số: 1579 /QĐ-BĐD

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh, phân bổ chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2016
cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hoằng Hóa

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HĐQT NHCSXH TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc NHCSXH quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH; Quyết định số 1281/QĐ-NHCS ngày 09/5/2016 về việc giao bổ sung chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh hóa về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc NHCSXH Thanh Hóa tại Công văn số 345/NHCS-KHNV ngày 09/5/2016 về việc đề nghị phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2016 cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện Hoằng Hóa.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Hoằng Hóa trình Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện Hoằng Hóa phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2016 được giao theo nội dung tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định cho các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện.

Điều 3. Giám đốc NHCSXH tỉnh, Trưởng Ban Đại diện HĐQT NHCSXH Hoằng Hóa, Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Hoằng Hóa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Lưu: VT, KTTC (HungYT).

TRƯỞNG BAN *th*



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Thị Thìn

PHỤ LỤC

Điều chỉnh, phân bổ chỉ tiêu KHTD năm 2016 cho Phòng giao dịch

Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hoàng Hóa

(Kèm theo Quyết định số : 1579 /QĐ-BDD ngày 11/5/2016

của Thường Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chỉ tiêu tăng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2016
I	Kế hoạch dư nợ (KHA)	7.000	
1	Cho vay hộ cận nghèo	2.000	77.521
2	Cho vay hộ mới thoát nghèo	2.000	22.314
3	Cho vay Nước sạch & VSMTNT	3.000	59.176